

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST

Ngày: 24-02-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố
và hợp đồng mượn tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-DSST ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Văn bản uỷ quyền số 1991/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024 của Giám đốc Công ty về việc uỷ quyền thực hiện hoạt động tố tụng). Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện **24/8/2024**, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Công ty cổ phần S1** (sau đây gọi tắt là Công ty) và người đại diện hợp pháp của Công ty trình bày:

Ngày 30/10/2020, bà **Nguyễn Thị P** có ký hợp đồng cầm cố tài sản T2M201001029NA15X đối với **Công ty TNHH S1** nay là **Công ty cổ phần S1** có ngay và đã nhận số tiền là 7.900.000 đồng từ Công ty. Thời hạn cầm cố 12 tháng tính từ ngày 30/10/2020 đến ngày 30/10/2021, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng và phí thẩm định tài sản 4%/tháng trên dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền; phí đăng ký và xoá giao dịch đảm bảo: 150.000 đồng/lần. Bà **P** cam kết thanh toán định kỳ hàng tháng với số tiền 896.534.75 đồng vào ngày 30 hàng tháng. Nếu quá hạn phải trả phí chậm trả 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ.

Bà **P** đã cầm cố 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57, số khung 1217DY716066, số máy HC12E5716106 theo phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 30/10/2020. Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của **Cục Đ** với số hợp đồng là 1388755671.

Bà **P** đã giao cho Công ty giữ 01 bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 05603 do **Công an huyện C**, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà **Nguyễn Thị P** đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-319.57. Ngày 30/10/2020 Công ty đã cho bà **P** mượn lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 30/10/2020 đến ngày 30/11/2020.

Từ khi cầm cố tài sản cho đến ngày 28/01/2021, bà **P** đã trả được 897.000 đồng, trong đó nợ gốc là 769.547 đồng, tiền lãi trong hạn là 86.900 đồng, lãi quá hạn: 40.533 đồng. Sau ngày 28/01/2021, Công ty không liên lạc được với bà **P** và bà **P** cũng không trả thêm khoản tiền nào khác, không trả xe máy cho Công ty. Đến nay, Công ty không biết thông tin về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2024, **Công ty cổ phần S1** có ngay yêu cầu bà **Nguyễn Thị P** có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 24/8/2024 với số tiền 26.532.983 đồng và chịu lãi, chi phí phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 24/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp bà **P** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên **Công ty cổ phần S1** có ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57 để thu hồi nợ.

Sau khi xem xét lại các hợp đồng đã ký kết với bà **P**, quá trình giải quyết vụ án thì **Công ty cổ phần S1** Có Ngay thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà **Nguyễn Thị P** phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 13.130.730 đồng tính đến

ngày 24/02/2025. Trong đó tiền nợ gốc là 7.130.453 đồng; tiền lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế là 4.000.184 đồng; tiền lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là 2.000.092 đồng. Đồng thời bà P chịu lãi và chi phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 24/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Công ty cổ phần S1 Có Ngay không yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57 để thu hồi nợ và không yêu cầu bà P phải trả lại chiếc xe máy biển số 70D1-319.57 cho Công ty.

Công ty cổ phần S1 có ngay đồng ý trả lại 01 (một) bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 05603 do **Công an huyện C**, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà **Nguyễn Thị P** đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-319.57.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà P không đến Tòa làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.*

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 303, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468, 494, 497, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần S1** Có Ngay. Buộc bà **Nguyễn Thị P** phải thanh toán nợ cho **Công ty cổ phần S1** Có Ngay với tổng số tiền 13.130.730 đồng tính đến ngày 24/02/2025; trong đó tiền nợ gốc là 7.130.453 đồng; tiền lãi trong hạn là 4.000.184 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.000.092 đồng. Đồng thời yêu cầu bà P trả tiền lãi, chi phí phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo thoả thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký kết với Công ty.

Ghi nhận **Công ty cổ phần S1** Có Ngay không yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57, số khung 1217DY716066, số máy HC12E5716106 và không yêu cầu bà **Nguyễn Thị P** phải trả lại 01 xe gắn máy biển số 70D1-319.57 cho **Công ty cổ phần S1** Có Ngay.

Ghi nhận Công ty cổ phần S1 đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị P 01 (một) bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 05603 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị P đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-319.57.

Dương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty S1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P thanh toán số tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong các hợp đồng bà P đã ký kết, thể hiện bà P có địa chỉ cư trú tại khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của các đương sự: Xét thấy người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Thanh T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt và bị đơn Nguyễn Thị P đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty cổ phần S1 Có Ngay yêu cầu bà P thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tính đến hết ngày 24/02/2025 với tổng số tiền 13.130.730 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ sau ngày 24/02/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty đã cung cấp các tài liệu có liên quan, hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng, giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm và giấy mượn xe đề ngày 30/10/2020 ký kết giữa bà Nguyễn Thị P và Chi nhánh T1 01 – Công ty TNHH S (Công ty TNHH S3 nay là Công ty cổ phần S1).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bà P nhưng bà P không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện. Điều này chứng minh bà P không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Hợp đồng cầm cố tài sản số T2M201001029NA15X ngày 30/10/2020 và Phụ lục hợp đồng cầm cố được ký kết giữa bà Nguyễn Thị P và Chi nhánh T1 01 – Công ty TNHH S1 phù hợp quy định tại các Điều 311, 312, 313, 314, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp pháp.

Công ty thừa nhận bà P đã thanh toán cho Công ty số tiền 897.000 đồng, trong đó nợ gốc là 769.547 đồng, tiền lãi trong hạn là 86.900 đồng, lãi quá hạn:

40.533 đồng tính đến ngày 28/01/2021. Từ sau ngày 28/01/2021, bà P đã ngưng thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng cầm cố ngày 30/10/2020 và khoản 3 Điều 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty cổ phần S1 Có Ngay khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền 13.130.730 đồng (nợ gốc 7.130.453 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 4.000.184 đồng; tiền lãi quá hạn 2.000.092 đồng) tính đến ngày 24/02/2025 và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà P trả dứt nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về phí thẩm định tài sản 4%/tháng trên dư nợ gốc; phí đăng ký và xoá giao dịch đảm bảo: 150.000 đồng/lần được các bên thoả thuận trong hợp đồng cầm cố ngày 30/10/2020 do Công ty cổ phần S1 Có Ngay không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về xử lý tài sản cầm cố và hợp đồng mượn tài sản: Công ty đã đăng ký giao dịch đảm bảo 01 chiếc xe gắn máy, biển số 70D1-319.57 do bà Nguyễn Thị P đứng tên chủ sở hữu trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số đăng ký là 1388755671 để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố ngày 30/10/2020. Ngày 30/10/2020 Công ty đã cho bà P mượn lại chiếc xe gắn máy, biển số 70D1-319.57 trong thời hạn 01 tháng, chậm nhất là ngày 30/11/2020 bà P phải trả lại xe máy.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần S1 Có Ngay thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể là Công ty không yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57, số khung 1217DY716066, số máy HC12E5716106 theo Giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 05603 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị P để thu hồi nợ và không yêu cầu bà P phải trả lại xe gắn máy nêu trên. Đồng thời Công ty cổ phần S1 đồng ý trả lại 01 bản chính Giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 05603 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị P nên các vấn đề này được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay nên Công ty được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp.

+ Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 13.130.730 đồng x 5% = 656.536 đồng, làm tròn số 657.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 303, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468, 494, 497, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 có ngay về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản*” đối với bà Nguyễn Thị P.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay với tổng số tiền 13.130.730 (*Mười ba triệu, một trăm ba mươi nghìn, bảy trăm ba mươi*) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 7.130.453 (*bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm năm mươi ba*) đồng; tiền lãi trong hạn là 4.000.184 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.000.092 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/02/2025) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố.

1.2. Ghi nhận Công ty cổ phần S1 Có Ngay không yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave 100CC màu xanh đen bạc, biển số 70D1-319.57, số khung 1217DY716066, số máy HC12E5716106 theo phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 30/10/2020 và không yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải trả lại 01 xe gắn máy biển số 70D1-319.57 cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay.

Ghi nhận Công ty cổ phần S1 đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị P 01 (một) bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 05603 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị P đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-319.57.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Công ty cổ phần S1 Có Ngay được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp là 663.325 (*sáu trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi lăm*) đồng tại Biên lai thu số 0009826 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị P phải chịu 657.000 (*sáu trăm năm mươi bảy nghìn*) đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên